TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-PT
Ngày 09 tháng 8 năm 2022
"*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLPT- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1991; trú tại: Thôn B, xã M, huyện T, tỉnh P , có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1992; trú tại: Thôn B, xã M, huyện T, tỉnh P, có mặt.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Đình C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày:

Chị V và anh Nguyễn Đình C kết hôn ngày 05 tháng 05 năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà anh C ở xã M, huyện T. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất

đồng quan điểm sống thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Khoảng đầu năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không chịu làm ăn, nợ nần, đi làm anh C không đưa tiền để chị chi tiêu gia đình, khi sinh con chị phải lo cho con. Đỉnh điểm là cuối năm 2019 chị đã bế con về nhà mẹ đẻ ở M sinh sống được khoảng 02 tháng. Sau đó hai bên gia đình có nói chuyện để hai vợ chồng về hàn gắn tình cảm, anh C viết bản cam kết trả hết nợ không chơi bời sẽ tu chí làm ăn, có mẹ đẻ chị V và mẹ anh C chứng kiến. Sau đó chị V suy nghĩ lại vợ chồng về hàn gắn tình cảm. Khi vợ chồng về chung sống với nhau thì vợ chồng lại thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C chơi bời không chịu tu chí làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình không có. Anh C đi làm không đưa tiền cho chị chi tiêu gia đình mà ai có tiền thì người đó tiêu dẫn đến bố mẹ chồng nói chị không khuyên bảo được chồng. Cuối năm 2021 anh C có đi nổ mìn nên bị hỏng 03 ngón tay bên trái. Hiện nay anh C không có nghề nghiệp ổn định đi làm thợ cơ khí hôm nào có việc thì làm nên thu nhập không ổn định, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đỉnh điểm là tháng 12/2021 giữa chị và mẹ chồng có mâu thuẫn chị V đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã M, huyện T sinh sống cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

Về con chung: Vợ chồng chị V, anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình N, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2018. Hiện cháu N đang ở với anh C vì khi vợ chồng mâu thuẫn chị có đón cháu N đi cùng thì anh C đánh đuổi không cho bế cháu N đi cùng, gần Tết chị có sang nhà để đón cháu N thì gia đình đánh đuổi không cho đón cháu. Đến nay chị làm đơn xin ly hôn, chị yêu cầu Tòa án khi giải quyết ly hôn cho chị được quyền nuôi cháu N và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị xin được nuôi con là cháu Nguyễn Đình N vì chị là giáo viên mầm non có nghề nghiệp ổn định, thu nhập hàng tháng là 7.000.000đ/1 tháng đủ điều kiện để được nuôi cháu N vì cháu vẫn còn nhỏ cần phải có sự chăm sóc của mẹ. Chị V hiện nay đang ở nhà mẹ đẻ ở thôn B, xã M, huyện T có nhà ở nên có đủ điều kiện để nuôi cháu N. Còn anh C không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên điều kiện chăm sóc con không được đảm bảo.

Về tài sản chung; Về tài sản riêng; Công sức, đất canh tác và các vấn đề khác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2022 và những lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Nguyễn Đình C trình bày:

Anh C và chị Lê Thị V kết hôn với nhau ngày 05 tháng 05 năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà anh C ở xã M. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận. Năm 2019 chị V có bỏ về nhà mẹ đẻ và bế cháu N đi cùng được 02 tháng,

anh có sang đón về và vợ chồng hàn gắn. Nay chị V làm đơn xin ly hôn quan điểm của anh C là không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Anh C cho rằng chị V trình bày trên là không đúng, anh C vẫn đi làm cơ khí và thu nhập bình quân 01 tháng khoảng 12 triệu đồng, trong cuộc sống gia đình anh vẫn chi tiêu cho gia đình, không đưa tiền cho chị V, mọi công việc to, nhỏ trong gia đình anh đều gánh vác, anh C có gọi điện và nhắn tin cho chị V để muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chị V không đồng ý. Đến nay chị V cương quyết ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh C, chị V có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình N, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2018. Hiện cháu N đang ở với anh C nếu phải ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Về tài sản riêng; Công sức, đất canh tác và các vấn đề khác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022, Toà án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

[1] Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị V được ly hôn anh Nguyễn Đình C.

[2] Về con chung: Giao cho chị Lê Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đình N, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2018. Anh Nguyễn Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị V và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 anh Nguyễn Đình C nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi con chung; anh C không đồng ý để chị V nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án. Tại phiên tòa anh C đề nghị Tòa án cho vợ chồng về đoàn tụ nếu chị V không đồng ý vẫn cương quyết ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đã phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Đình C và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo anh Nguyễn Đình C trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi con chung; anh C không đồng ý để chị V nuôi con. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo xin đoàn tụ, thấy rằng: Chị V và anh C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 05/5/2017 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh P là hôn nhân hợp pháp.

Chị Lê Thị V và anh Nguyễn Đình C đều xác định vợ chồng mâu thuẫn từ đầu năm 2018 đến cuối năm 2019 chị V bế con về nhà mẹ đẻ ở hai tháng. Hai bên gia đình đã hòa giải để anh chị về đoàn tụ, anh C đã viết cam kết trả hết nợ không chơi bời sẽ tu chí làm ăn và sống có trách nhiệm với vợ con, chị V đồng ý về chung sống cùng anh C. Trong thời gian này anh C không thay đổi vẫn chơi bời, nợ nần không tu chí làm ăn dẫn đến hai vợ chồng không có được tiếng nói chung, hơn nữa bố mẹ chồng chị không thông cảm còn gây áp lực cho chị nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Tháng 2/2022 chị V có đơn khởi kiện ra Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn. Quá trình Tòa án giải quyết anh C muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống vợ chồng. Nay anh C cho rằng anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung nên anh không đồng ý ly hôn nhưng trong khoảng thời gian này anh C và chị V cũng không ai tích cực hàn gắn quan hệ vợ chồng và bản thân anh C cũng không đưa ra được các giải pháp để duy trì quan hệ hôn nhân.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị V xác nhận không còn tình cảm với anh C. Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên để chị V về đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng; tạo dựng hạnh phúc gia đình cùng anh C nhưng chị V vẫn cương quyết xin ly hôn với anh C. Tại phiên tòa anh C đề nghị Tòa án cho vợ chồng về đoàn tụ nếu chị V không đồng ý vẫn cương quyết ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ phù hợp với quy định theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu

kháng cáo của anh Nguyễn Đình C là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo xin được nuôi con chung là cháu Nguyễn Đình N: Xét về điều kiện kinh tế để nuôi con thì mặc dù anh C có thu nhập cao hơn chị V (anh C khai thu nhập của anh khoảng 12.000.000đ/1 tháng; chị V khai thu nhập khoảng 7.000.000đ/1 tháng) với mức thu nhập trên thì cả anh và chị đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên cháu N còn nhỏ (hơn 04 tuổi) chị V hiện đang làm giáo viên mầm non, xét về điều kiện chăm sóc, ăn ở, sinh hoạt của cháu sẽ tốt hơn khi ở cùng với chị. Hơn nữa chị V đang ở cùng với mẹ đẻ (bố chị đã chết, mẹ chị cho chị đất để làm nhà ở) không phải đi thuê nhà. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến quyền lợi về mọi mặt của cháu N, giúp cháu có được sự phát triển tốt nhất, đã giao cháu N cho chị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh C.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh C không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T.

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử

1. Cho chị Lê Thị V được ly hôn anh Nguyễn Đình C.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đình N, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2018. Anh Nguyễn Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị V và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0000149 ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Nguyễn Đình C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000253 ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh P;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã M, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thanh